

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ REAL PRO

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ REAL PRO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REAL PRO SERVICES AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: REAL PRO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107567320

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2016

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7B, Ngõ 87 Nguyễn Khang, Tổ 36, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510     |
| 2.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771     |
| 3.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                   | 4772     |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5610     |
| 5.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                           | 5621     |
| 6.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5629     |
| 7.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5630     |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác | 4649     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                    | 8299     |
| 11. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8510     |
| 12. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8520     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                         | 8531        |
| 14. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Khóa học dạy nghề                                                                                                                                                                                                                                                     | 8532        |
| 15. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8541        |
| 16. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8542        |
| 17. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8551        |
| 18. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8552        |
| 19. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục dự bị;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; | 8559        |
| 20. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: - Tư vấn giáo dục,<br>- Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                              | 8560        |
| 21. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quảng cáo và quản lý bất động sản                                                                                                                                                                        | 6820(Chính) |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7911        |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7912        |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                            | 7920        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 180.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN NGỌC YẾN | Xóm Nam Hương, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     | 091693020                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                          |                   |         |               |        |           |  |
|---|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | TRẦN ĐỨC CHÍNH | Xóm Nam Hương, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 126.000 | 1.260.000.000 | 70,000 | 090917240 |  |
|   |                |                                                                          | Tổng số           | 126.000 | 1.260.000.000 | 70,000 |           |  |
| 3 | TRẦN THÁI QUÝ  | Xóm Nam Hương, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 45.000  | 450.000.000   | 25,000 | 090764984 |  |
|   |                |                                                                          | Tổng số           | 45.000  | 450.000.000   | 25,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN ĐỨC CHÍNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 09/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 090917240

Ngày cấp: 12/08/2014

Nơi cấp: CA Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Nam Hương, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Nam Hương, Xã Thanh Ninh, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội